

TÒA ÁN NHÂN
DÂN
TỈNH NGHỆ AN

Bản án số: 78/2024/DSPT

Ngày: 06/8/2024

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Minh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Anh

Ông Nguyễn Quang Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải – chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2024/TLPT-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do có kháng cáo của ông **Đinh Văn H** là bị đơn đối với bản án Dân sự sơ thẩm số: 50/2023/DS-ST ngày 03/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 156/2024/QĐPT-DS ngày 10 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1960; Trú tại: **xóm T (nay là xóm P), xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An**. (Có mặt)

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc H1**, sinh năm 1975; Trú tại: **khối T, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An**. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

+ Ông **Trần Quốc V** – Luật sư thuộc **Công ty L4** – **Đoàn luật sư tỉnh N**. (Có mặt)

+ Ông **Lê Văn N** – Luật sư thuộc **Văn phòng L5** – **Đoàn luật sư H7**; Địa chỉ: **số C Hồ Đ, quận Đ, thành phố Hà Nội**. (Vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông **Đinh Văn H**, sinh năm 1969 và bà **Võ Thị H2**, sinh năm 1974; Đều trú tại: **xóm T (Nay là xóm P), xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An**. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:

- Ông Nguyễn Thức G – Luật sư thuộc Văn phòng L6 – Đoàn luật sư tỉnh N.

(Có mặt)

- Bà Phan Thị Tú G1 – Luật sư thuộc Văn phòng L7 và C – Đoàn luật sư tỉnh

N. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1953; Trú tại: khối T, phường L, thành phố V,

tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1957; Trú tại: xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh

Nghệ An. (Vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1963; Trú tại: 7 khu phố Đ, phường B, thành

phố T, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1969; Trú tại: xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh

Nghệ An. (Vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông C, bà L1, bà N1, bà C1: Bà Nguyễn Thị

Ngọc H1, sinh năm 1975; Trú tại: khối T, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị L trình bày:

Bố mẹ bà L là cụ Nguyễn L2 (chết năm 2009) và cụ Lê Thị L3 (chết năm 1998), lúc còn sống có tạo lập được khối tài sản là thửa đất 600, tờ bản đồ 07 (nay là thửa đất 137, tờ bản đồ 38) có diện tích 661m² tại xóm T (nay là xóm P), xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An. Thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đã được đăng ký tại sổ mục kê, bản đồ địa chính và được UBND xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An xác nhận có nguồn gốc sử dụng trước năm 1980. Sau khi hai cụ chết không để lại di chúc, các đồng thừa kế của hai cụ đã thống nhất để lại thửa đất trên cho bà L. Năm 2005, nhà nước thu hồi 274m² xây dựng đường ven Sông Lam hiện nay diện tích còn lại là 387m².

Quá trình đo đạc đất năm 2001, thì giữa gia đình cụ Nguyễn L2 và gia đình ông Đinh Văn H có tranh chấp ranh giới, mốc giới quyền sử dụng đất do gia đình ông H, bà H2 có sử dụng một phần diện tích đất thuộc ranh giới đất của cụ L2 nên trong hồ sơ kỹ thuật thửa đất đo đạc năm 2001 có ghi tranh chấp. Quá trình hòa giải ở xã ông H đã đồng ý làm giấy trả lại phần đất tranh chấp cho cụ Nguyễn L2

theo đúng ranh giới, mốc giới như bản đồ địa chính năm 2001 đo đạc. Năm 2006, ông H, bà H2 được UBND thành phố V cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 375846 đối với thửa đất số 131, tờ bản đồ 38 tại xóm T (nay là xóm P), xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An theo đúng ranh giới, mốc giới thửa đất đã được thể hiện tại bản đồ đo đạc năm 2001. Tuy nhiên, ông H, bà H2 vẫn sử dụng mà không trả lại đất như cam kết nên bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Vinh xem xét giải quyết:

1. Buộc ông Đinh Văn H3 và bà Võ Thị H2 phải trả lại cho bà Nguyễn Thị L diện tích đất 34,3m² tại thửa đất số 173, tờ bản đồ số 38 thuộc xóm Phong Thuận, xã Hưng Hòa, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

2. Xác lập quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị L đối với phần diện tích đất 34,3m² tại thửa đất số 137, tờ bản đồ 38 tại xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

3. Buộc ông Đinh Văn H và bà Võ Thị H2 phải tháo dỡ toàn bộ công trình xây dựng trái phép trên phần diện tích đã lấn chiếm của bà L.

Quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa bà L xin rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án xác lập quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị L đối với phần diện tích đất 34,3m² tại thửa đất số 137, tờ bản đồ 38; Địa chỉ xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc buộc bà L và các hàng thừa kế của cụ Nguyễn Lương p tháo dỡ công trình trên đất, hoàn trả lại phần diện tích đất 5,7m² đã lấn chiếm cho ông Đinh Văn H và bà Võ Thị H2; Quá trình giải quyết vụ án bà L và các hàng thừa kế cũng đồng ý tháo dỡ công trình trên đất, hoàn trả lại phần diện tích đất 5,7m² cho gia đình ông H, bà H2. Tại phiên tòa, ông Đinh Văn H xin rút yêu cầu này thì bà L cũng không có ý kiến gì.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn về việc xác định diện tích 34,3m² đất mà gia đình ông H, bà H2 đang quản lý, sử dụng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của gia đình ông Đinh Văn H và bà Võ Thị H2 thì bà L và các hàng thừa kế không đồng ý. Vì phần diện tích này là thuộc quyền sử dụng của gia đình bà L

Về chi phí tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, đo đất mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng với số tiền 8.148.000 đồng, nguyên đơn không có ý kiến gì về nội dung Tòa án đã chi. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải hoàn trả lại chi phí tố tụng

Trong quá trình giải quyết vụ ông **Đinh Văn H**, bà **Võ Thị H2** trình bày:

Gia đình ông **H**, bà **H2** sử dụng thửa đất tại **xóm T (nay là xóm P), xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An**. Đó là thửa đất số 131 tờ bản đồ 38, diện tích 1.112,0m², trong đó có 150m² đất ở, còn lại là đất vườn. Thửa đất đã được **UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 375846 ngày 23/01/2006 mang tên **Đinh Văn H** và **Võ Thị H2**.

Liên kề với đất ở của gia đình ông **H**, bà **H2** là thửa đất 137, tờ bản đồ 38 của bà **L** hiện nay đang sử dụng. Nay bà **Nguyễn Thị L** cho rằng vợ chồng ông **H**, bà **H2** xây dựng công trình lấn chiếm phần diện tích đất 34,3m² của thửa đất 137, tờ bản đồ 38 nên bà **L** khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông **H**, bà **H2** phải tháo dỡ công trình xây dựng trả lại cho bà **L** 34,3m² đất thuộc thửa đất số 137, tờ bản đồ 38 tại **xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An** là hoàn toàn không đúng. Bởi vì:

Thửa đất trên gia đình ông **H**, bà **H2** quản lý, sử dụng ổn định liên tục, năm 2009 cụ **Nguyễn L2** đã xây bờ rào để phân định ranh giới, hiện trạng đang được giữ nguyên theo ranh giới cụ **L2** xây dựng. Hiện nay gia đình ông **H**, bà **H2** đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phần diện tích 34,3m² đất gia đình ông **H**, bà **H2** quản lý, sử dụng từ năm 1993 đến nay, không nằm trong khuôn viên đất mà cụ **L2** đã xây dựng bờ rào và từ năm 1984 gia đình cụ **L2** không sử dụng đến phần diện tích này. Mặt khác, theo kết quả đo đất thì bà **L** đã lấn chiếm đất của gia đình ông **H**, bà **H2** với phần diện tích khoảng 5,7m².

Sau khi có kết quả đo đất thì ngày 11/8/2023, ông **Đinh Văn H** đã làm đơn yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Vinh xem xét giải quyết.

- Xác định diện tích 34,3m² đất mà gia đình ông **H**, bà **H2** đang quản lý.
- Buộc bà **Nguyễn Thị L** và các hàng thừa kế của cụ **Nguyễn Lương p** tháo dỡ công trình trên đất, hoàn trả lại phần diện tích đất 5,7m² đã lấn chiếm cho vợ chồng ông **Đinh Văn H**, bà **Võ Thị H2**.

Trong đơn phản tố ông **H** có yêu cầu: Kiến nghị **UBND thành phố V** cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất 34,3m cho gia đình ông **H**, bà **H2** thì nay ông **H**, bà **H2** xin rút yêu cầu này. Và tại phiên tòa sơ thẩm ông **H** xin rút một phần yêu cầu phản tố về việc buộc bà **Nguyễn Thị L** và các hàng thừa kế của cụ **Nguyễn Lương p** tháo dỡ công trình trên đất, hoàn trả lại phần diện tích đất 5,7m² đã lấn chiếm tại thửa đất 131, tờ bản đồ 38 thuộc **xóm P, xã H,**

thành phố V, tỉnh Nghệ An cho vợ chồng ông Đinh Văn H, bà Võ Thị H2. Và đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà L.

Ông H đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu phản tố còn lại của ông H về việc xác định diện tích 34,3m đất mà gia đình ông H, bà H2 đang quản lý, sử dụng là của gia đình ông Đinh Văn H và bà Võ Thị H2.

Về chi phí tố tụng mà nguyên đơn đã nộp tạm ứng thì bị đơn không có ý kiến gì về nội dung Tòa án đã chi. Nay nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn chi phí tố tụng đã nộp thì bị đơn không đồng ý.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị L1, bà Nguyễn Thị N1, bà Nguyễn Thị C1 thống nhất như trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không bổ sung gì thêm. Đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Xem xét thẩm định, định giá tài sản: Theo biên bản xem xét thẩm định và định giá tài sản ngày 24/5/2023 thể hiện:

+ Giá thửa đất tranh chấp có giá 3.300.000 đồng/m²

+ Tài sản trên đất tranh chấp: Thửa 137 có 01 ngôi nhà cấp 4; thửa 131 có 01 mái che, sân xi măng, tường rào, nhà có hai cổng, cửa cổng, trụ cổng, cửa cổng, mái cổng.

Với nội dung trên, Bản án số 50/2023/DS-ST ngày 03/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 161, Điều 165; khoản 2 Điều 244, Điều 227, Điều 243, Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 100, 166, 170, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 115, 163, 164, 166, 174, 175, 176 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L về yêu cầu Tòa án xác lập quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị L đối với phần diện tích đất 34,3m² tại thửa đất 137, tờ bản đồ 38 thuộc xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông Đinh Văn H về việc buộc bà Nguyễn Thị L và các hàng thừa kế của cụ Nguyễn Lương p tháo dỡ công

trình trên đất, hoàn trả lại phần diện tích đất 5,7m² đã lấn chiếm tại thửa đất 131, tờ bản đồ 38 thuộc xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An cho vợ chồng ông Đinh Văn H, bà Võ Thị H2.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi lại quyền sử dụng đất và dỡ bỏ công trình xây dựng trên đất của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L.

- Buộc bị đơn ông Đinh Văn H, bà Võ Thị H2 phải trả lại cho bà Nguyễn Thị L phần diện tích đất 34,3 m² tại thửa đất 137, tờ bản đồ 38 thuộc xóm P, xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An theo Bản đồ đo đạc địa chính, được định vị như sau:

Diện tích 34,3 m² được giới hạn bởi các điểm 3,4,5,6,7,8,9,8',4',3 (có sơ đồ kèm theo).

Buộc ông Đinh Văn H, bà Võ Thị H2 phải tháo dỡ công trình xây dựng trên diện tích đất 34,3m² để trả lại diện tích đất cho bà Nguyễn Thị L. Mọi chi phí tháo dỡ do gia đình ông H, bà H2 phải chịu.

4. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Đinh Văn H về việc yêu cầu Tòa án xác định diện tích đất 34,3m² mà gia đình ông Đinh Văn H, bà Võ Thị H2 đang quản lý, sử dụng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là của gia đình ông Đinh Văn H và bà Võ Thị H2.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, nghĩa vụ án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Ngày 13/10/2023, ông Đinh Văn H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa ông Đinh Văn H giữ nguyên nội dung kháng cáo, nguyên đơn giữ nguyên nội dung khởi kiện.

Phản tranh luận:

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho bị đơn trình bày: Tòa án cấp sơ thẩm khi giải quyết vụ án không xem xét đến nguồn gốc và quá trình sử dụng đất, đối với phần diện tích đất tranh chấp gia đình bị đơn đã sử dụng ổn định có ranh giới đã được xác định với nhau rõ ràng, sử dụng ổn định không có tranh chấp. Đối với phần diện tích tranh chấp này năm 2004 – 2005 khi gia đình ông H làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thống nhất không có tranh chấp. Khi nhà nước tiến hành thu hồi đền bù do gia đình ông L2 có người nhà làm trên UBND xã H nên lập phương án đền bù cho nhà ông L2. Do đó, đề nghị cấp phúc thẩm căn cứ hiện trạng thực tế sử dụng đất để công nhận diện tích đất gia đình ông H đang sử dụng. Thực tế diện tích đất của ông L2 có ba ngôi nhà đã chia cho

bà C1 làm nhà ở và ốt kinh doanh đã được thể hiện trên sổ mục kê, bản đồ địa chính là anh Chu Hà c bà C1, nhưng khi giải quyết vụ án không đưa bà C1 và anh Chu H4 tham gia tố tụng là thiếu sót. Do đó, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án chấp nhận yêu cầu của ông H hoặc hủy bản án do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

- Ý kiến của kiểm sát viên: Sau khi phân tích các ý kiến của nguyên đơn, bị đơn: Đề nghị HĐXXX áp dụng khoản 2, Điều 308 sửa án dân sự sơ thẩm theo hướng phân tích trên, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Đinh Văn H có đơn kháng cáo đúng thời hạn và nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đúng theo quy định pháp luật nên tòa án cấp phúc thẩm thụ lý đơn kháng cáo là đúng quy định pháp luật

[2] Về nội dung:

- Đối với nội dung kháng cáo bác yêu cầu khởi kiện của bà L:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện thửa đất số thửa đất 600, tờ bản đồ 07 (nay là thửa đất 137, tờ bản đồ 38) có diện tích 661m² tại xóm T (nay là xóm P), xã H, thành phố V, tỉnh Nghệ An có nguồn gốc là của cụ Nguyễn L2 và cụ Lê Thị L3 sử dụng từ trước những năm 1980. Sau khi hai cụ chết không để lại di chúc, các đồng thừa kế của hai cụ đã thống nhất để lại thửa đất trên cho bà Nguyễn Thị L. Do có tranh chấp với thửa đất liền kề nên hiện nay bà L vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Còn thửa đất số 131 tờ bản đồ 38, diện tích 1.112m² (trong đó có 150m² đất ở, còn lại là đất vườn) là thửa đất của gia đình ông H bà H2, thửa đất hiện đã được UBND thành phố V, tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 375846 ngày 23/01/2006 mang tên Đinh Văn H và Võ Thị H2.

Quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị L cho rằng vợ chồng ông H có lần chiếm diện tích đất của nhà bà, nay ông yêu cầu vợ chồng ông H trả lại 34.3m² diện tích đất lấn chiếm. Xét thấy, theo bản đồ địa chính qua các thời kỳ, giấy xác nhận nguồn gốc đất và theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất năm 2001 thể hiện diện tích đất 34,3m² thuộc quyền sử dụng của vợ chồng cụ L2 và nằm trong thửa đất số 137

có diện tích 661m² (bao gồm 235,2m² diện tích hành lang giao thông), cạnh tiếp giáp với thửa đất 131 của ông **Chu Xuân H5** và bà **Võ Thị H2** có chiều dài 16,49m² + 8,14m² + 10,56m², chiều dài này trùng khớp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho gia đình ông **H5** và sơ đồ hiện trạng thửa đất, không thuộc diện tích đất mà gia đình ông **H5** đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trùng với sơ đồ hiện trạng thửa đất.

Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và kết quả đo đạc thực tế ngày 14/8/2023 thể hiện diện tích thực tế hiện của nhà ông **H5** là 1256,9m² (bao gồm 34,3m² diện tích đất hành tranh chấp và 47,7m² diện tích đã mở đường) như vậy diện tích đất ông **H5** tăng lên 114,9m² so với giấy CNQSDĐ. Còn diện tích thực tế của gia đình bà **L** còn giảm 34,3m² và tăng 5,7m² (phần diện tích lấn chiếm của ông **H5**). Như vậy theo biên bản thẩm định thì bà **L** cho rằng gia đình ông **H5** lấn chiếm 34,3m² diện tích đất là có cơ sở. Quá trình giải quyết vụ án gia đình ông **H5** cũng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh 34,3m² diện tích đất thuộc quyền sử dụng của gia đình ông, do đó tòa án cấp sơ thẩm buộc ông **H5** bà **H2** trả lại 34.3m² diện tích đất lấn chiếm là có cơ sở. Không chấp nhận kháng cáo của ông **H5**.

[3] Đối với yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định “*Tòa án cấp phúc thẩm chỉ xem xét lại phần của bản án sơ thẩm, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm có kháng cáo, kháng nghị hoặc có liên quan đến việc xem xét nội dung kháng cáo, kháng nghị*”

Như vậy, theo quy định trên thì tòa án cấp sơ thẩm chỉ xem xét lại những nội dung mà tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết mà có kháng cáo, kháng nghị. Tuy nhiên đối với yêu cầu của ông **H5** với nội dung: Về diện tích đất của ông **L2** bố mẹ bà **L** có ba ngôi nhà, đã chia cho chị **C1** làm nhà ở và ốt kinh doanh thể hiện trên sổ mục kê, bản đồ địa chính là anh **Chu Hà c** chị **C1** và con rể ông **L2**. Do chị **C1** làm ăn thua lỗ nên bán nhà cho anh **D** chị **P** rồi bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày mà tòa án thành phố Vinh tổ chức đo đạc thẩm định tại chỗ thì anh **D** có cầm giấy đến yêu cầu Tòa án xem xét nhưng tòa án không xem xét. Với nội dung này quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm do đương sự không có yêu cầu tòa án giải quyết nên tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết, do đó không có căn cứ xem xét nội dung này của ông **H5**.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn H6 kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Đinh Văn H. Giữ nguyên các quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2023/DS - ST ngày 03/10/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

2. Về án phí: Bị đơn ông Đinh Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số: 0004006 ngày 27/10/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTP Vinh;
- Chi cục THA dân sự TP Vinh;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hải Minh

